TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 238/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 391/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Anh Phùng Sỹ Đ, sinh ngày: 15/09/1996

Số định danh cá nhân: 038096025272

Địa chỉ: Thôn 6 T, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

- Người yêu cầu: Chị Lưu Thị T, sinh ngày: 09/06/1998.

Số định danh cá nhân: 038198005389.

Địa chỉ: Thôn 6 T, xã K, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Phùng Sỹ Đ và chị Lưu Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dâ xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa) ngày 25/10/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp nên thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7-Thanh Hóa giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh Đ và chị T.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phùng Khánh V, sinh ngày 10/05/2020 và Phùng Đức A, sinh ngày 13/08/2022. Ly hôn, anh Đ và chị T thỏa thuận giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

[3]. Về tài sản chung: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Đ và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Đ tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 10/11/2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Sỹ Đ và chị Lưu Thị T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2019 do UBND xã T, huyện T (Nay là UBND xã K), tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 25 tháng 10 năm 2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Giao cháu Phùng Khánh V, sinh ngày 10/05/2020 và Phùng Đức A, sinh ngày 13/08/2022 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng cho mỗi cháu số tiền là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Hai cháu là 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về lệ phí: Anh Phùng Sỹ Đ tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh Đ đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa theo biên lai số:BLTU/26E/0003376 ngày 03/11/2026. Anh Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 8 và 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7- Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cúc